TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2026
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*:** Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Phúc và ông Bùi Đăng Ban;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 381/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Vũ Bích H, sinh năm 2000; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 34B H, phường L, thành phố H Phòng.

* *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên;

Hiện đang lao động, làm việc tại Nhật Bản (không rõ địa chỉ).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Cháu Phạm Vũ Hoàng D, sinh ngày 06/10/2019; (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu D: Chị Vũ Bích H và anh Phạm Văn H là bố mẹ đẻ của cháu.

3. *Người làm chứng*:

+ Bà Hoàng Thị Ánh D, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 34B H, phường L, thành phố H Phòng;

+ Ông Phạm Đăng M, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Vũ Bích H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N(nay là UBND xã T) vào ngày 21/5/2019 theo quy định của pháp luật,

không bị ai ngăn cản, bắt ép, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, chị và anh H về sống chung cùng bố mẹ chị tại thành phố H Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng chị bình thường, đến khoảng giữa năm 2020 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, về vấn đề kinh tế, thời điểm chị mới sinh con chưa đi làm được, không có thu nhập, một mình anh H đi làm nên kinh tế gia đình khó khăn, anh H không thông cảm mà khinh thường, có những lời xúc phạm, cho rằng chị ăn bám. Ngoài ra, anh H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà cáu kỉnh với chị, từ đó vợ chồng chị hay xảy ra cãi nhau. Chị và anh H sống ly thân nhau từ khoảng tháng 12/2020 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Vũ Hoàng D, sinh ngày 06/10/2019. Hiện cháu D ở với anh H và ông bà nội của cháu từ khi chị và anh H sống ly thân nhau. Tại đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nay chị xin thay đổi quan điểm, đề nghị Toà án giao cháu D cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu D đang ở ổn định với anh H và ông bà nội của cháu; hơn nữa hiện nay chị làm lao động tự do, hay thay đổi công việc, nay đây mai đó, không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc con hàng ngày được và không thể đảm bảo điều kiện mọi mặt cho con; về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh H tự thoả thuận nên chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt tại địa phương; Toà án tiến hành xác minh thì được gia đình anh H cung cấp thông tin, anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ tháng 7/2023, hàng ngày anh H vẫn liên lạc về gia đình qua mạng xã hội Zalo để hỏi thăm gia đình, con cái. Toà án đã ra Thông báo yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ hiện tại của anh H bên Nhật Bản nhưng gia đình không cung cấp được vì anh H cố tình giấu địa chỉ, không cho gia đình biết nên Toà án không tiến hành lấy được lời khai, quan điểm của anh H về quan hệ hôn nhân, con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung....Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh H, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng; đồng thời gia đình anh H cam kết nhận thay các văn bản tố tụng và đã thông báo lại cho anh H biết để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Người làm chứng: Ông Phạm Đăng M (bố đẻ anh Phạm Văn H) và bà Hoàng Thị Ánh D (là mẹ đẻ chị Vũ Bích H) trình bày: Anh H và chị H tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nnay là xã T theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, đến năm 2020, vợ chồng anh H, chị H nảy sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Theo ông M trình bày, chị H mải chơi, không chịu đi làm mà phụ thuộc hết vào anh H, một mình anh H đi làm kiếm tiền nuôi gia đình nhưng chị H không biết vun vén, tiết kiệm mà tiêu sài phung phí, tiền lương anh H đưa cho chị H tháng nào tiêu hết tháng đó, kinh tế của vợ chồng gặp nhiều khó khăn, không đủ trang trải cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Còn theo bà D trình bày, thời điểm chị H mới sinh con, chưa đi làm được, một mình anh H đi làm

kiếm tiền nuôi cả gia đình nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, anh H tỏ ra khinh thường, xúc phạm chị H. Ngoài ra, chị H nghi ngờ anh H sống không chung thuỷ, từ đó mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Cả ông M và bà D đều xác nhận, anh H và chị H đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau. Vợ chồng anh H, chị H có 01 con chung là cháu Phạm Vũ Hoàng D, hiện cháu D đang ở với anh H và gia đình ông M. Ông M có quan điểm, trường hợp anh H và chị H ly hôn, Toà án giao cháu D cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, do hiện tại anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ tháng 7/2023, gia đình ông sẽ có trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D giúp anh H trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam. Gia đình ông có công sức chăm sóc cháu D trong thời gian anh H và chị H sống ly thân nhưng gia đình ông tự nguyện không yêu cầu vợ chồng anh H, chị H trích trả gia đình ông công sức chăm sóc cháu D. Ông M và bà D xác nhận, vợ chồng anh H, chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, gia đình ông, bà không liên quan gì về tài sản với vợ chồng anh H, chị H nên gia đình ông, bà không có yêu cầu, đề nghị gì. Ông M, bà D đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông, bà theo quy định của pháp luật.

UBND xã T cung cấp thông tin: Chị H và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là xã T vào ngày 21/5/2019 theo đúng quy định pháp luật. Vợ chồng chị H và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Vũ Hoàng D, sinh ngày 06/10/2019. Địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, cũng như đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên địa phương không nắm được vợ chồng chị H và anh H mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Công an xã T cung cấp thông tin: Kiểm tra hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định, anh Phạm Văn H, sinh năm 1990, có đăng ký HKTT tại thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên, có bố đẻ là ông Phạm Đăng M, sinh năm 1962 và mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1967; không có thông tin anh H chuyển khẩu hay đăng ký tạm trú ở nơi khác. Anh H hiện không có mặt tại địa phương, anh H đi đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Phòng quản lý xuất nhập cảnh của công an tỉnh Hưng Yên cung cấp thông tin: Anh Phạm Văn H, sinh ngày 10/10/1990, có địa chỉ thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên, xuất cảnh qua sân bay quốc tế Nội Bài ngày 31/7/2023. Không có thông tin anh H nhập cảnh về Việt Nam.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do; người làm chứng đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không lý do nên đề nghị HĐXX căn

cứ vào điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2024/ NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Bích H, xử cho chị H được ly hôn với anh Phạm Văn H. Về con chung: Giao cháu Phạm Vũ Hoàng D cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Ông Phạm Đăng M là ông nội của cháu D có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D giúp anh H trong thời gian anh H không có mặt ở Việt Nam. Nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Vì quyền lợi của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên (anh H đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể về nơi làm việc và chỗ ở hiện nay của anh H tại Nhật Bản). Chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh H, qua xác minh xác định, hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H thông qua bố đẻ anh H là ông M; đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Gia đình anh H cung cấp thông tin: Anh H lao động tại Nhật Bản từ năm 2023, hàng ngày anh H vẫn liên lạc qua mạng xã hội Zalo với gia đình để hỏi thăm gia đình, con cái; các văn bản tố tụng Toà án giao cho anh H, gia đình nhận thay đã thông báo lại cho anh H biết. Toà án đã gửi thông báo yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh H bên Nhật Bản nhưng gia đình không cung cấp được theo yêu cầu của Toà án vì anh H cố tình giấu địa chỉ. Do vậy, đến nay Tòa án không xác định được địa chỉ cụ thể về nơi làm việc, chỗ ở hiện nay của anh H tại Nhật Bản. Theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì trường hợp này được xác định là anh H cố tình giấu địa chỉ. Tòa án sẽ tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND N(nay là UBND xã T) vào ngày 21/5/2019 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, đến khoảng giữa năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, chị H mới sinh con chưa đi làm được, không có thu nhập, kinh tế gia đình khó khăn, mọi chi tiêu cho gia đình một mình anh H phải lo toan dẫn đến anh H coi thường, xúc phạm chị H. Ngoài ra, chị H không tin tưởng, nghi ngờ anh H sống không chung thuỷ. Từ đó vợ chồng chị H và anh H hay xảy ra cãi nhau, tình cảm vợ chồng sống lạnh nhạt. Chị H và anh H sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn liên lạc, quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Đến nay, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, chị H có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chung sống cùng nhau. Nhưng từ năm 2020 đến nay, chị H và anh H sống ly thân nhau, vợ chồng không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để phó mặc. Do đó, chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Vũ Hoàng D, sinh ngày 06/10/2019. Tại đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng, chị H có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng sau đó chị H thay đổi quan điểm, đề nghị Toà án giao con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Anh H hiện đang lao động, làm việc ở Nhật Bản, không có mặt ở Việt Nam; chị H hiện nay có mặt ở Việt Nam nhưng không trực tiếp nuôi dưỡng cháu D từ năm 2020 cho đến nay, mà để ông bà nội của cháu D chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị H và anh H sống ly thân nhau. Chị H bày tỏ quan điểm, hiện nay chị không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D do chị làm công việc tự do, nay đây mai đó, sẽ không đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu D nên chị H đề nghị Toà án giao cháu D cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Toà án tiến hành lấy lời khai của ông M là ông nội của cháu D, ông M có quan điểm, nếu Toà án giao cháu D cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, gia đình ông sẽ có trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu D thay anh H. Hiện nay, cháu D không ở với chị H, anh H thì không có mặt ở Việt Nam, mặc dù cháu D ở với ông bà nội nhưng cháu D được ông bà nội quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu D. Để đảm bảo môi trường sống ổn định, tránh làm xáo trộn ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu D do thay đổi nơi ở và môi trường sống khi chị H và anh H ly hôn, nên tiếp tục giao cháu D cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông M là ông nội của cháu D sẽ có trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu D trong thời gian anh H không có mặt ở Việt Nam là cần thiết, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của chị H, anh H. Chị H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; gia đình ông M tự nguyện không yêu cầu chị H, anh H trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H và anh H trong thời gian hai anh chị sống ly thân nhau. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX không đặt

ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Vũ Bích H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị H và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Nguyên đơn chị Vũ Bích H xác nhận, vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn H do vắng mặt nên Toà án không lấy được lời khai làm rõ quan điểm của anh H về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung. Sau khi ly hôn, nếu anh H có yêu cầu xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung giữa anh H và chị H thì sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Vũ Bích H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Bích H, xử cho chị Vũ Bích H được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Vũ Hoàng D, sinh ngày 06/10/2019 cho anh Phạm Văn H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh H vắng mặt tại Việt Nam, ông Phạm Đăng M là ông nội sẽ có trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu D thay anh H. Chị H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; gia đình ông M tự nguyện không yêu cầu chị H, anh H trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H và anh H trong thời gian hai anh chị sống ly thân nhau nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Vũ Bích H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị H và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu anh H có yêu cầu xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung giữa anh H và chị H thì sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Vũ Bích H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/25E/0004388, ngày 29/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên, chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực I - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Mạnh Quyền